

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 6 - 2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nam

2. Ông Trần Hùng Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Khuru Huỳnh Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 139/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1985;

Hộ khẩu thường trú: 4/5A, khóm Th, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang;

Địa chỉ liên lạc: số 285A/15, khóm B 5, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Duy Ng, sinh năm 1977;

Cư trú: 4/5A, khóm Th, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà C vắng mặt và có mặt, ông Ng vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C trình bày:

Về hôn nhân: sau quá trình quen biết và tìm hiểu, bà C và ông Ng tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố X vào ngày 15 tháng 9 năm 2004. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2008, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông Ng không chí thú làm ăn, không quan tâm vợ con, bà C bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ đó đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, bà C yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Duy Ng.

Về con chung: bà C và ông Ng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Nhựt A, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2004, đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Duy Ng: không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không thể hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Ng: vắng mặt và không cung cấp thêm ý kiến, tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà C và ông Ng có đăng ký kết hôn; bà C khởi kiện ông Ng là người hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố X và yêu cầu ly hôn. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Duy Ng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Ng vẫn vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Duy Ng tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố X, tỉnh An Giang. Bà C kiên quyết xin ly hôn vì bà cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm, ông Ng không cùng bà chăm lo kinh tế, chăm sóc vợ con. Về phía ông Ng đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp ý kiến

hoặc tài liệu, chứng cứ, điều này thể hiện ông Ng không có nguyện vọng đoàn tụ gia đình. Thực tế, ông Ng và bà C đã không còn chung sống từ đầu năm 2008 đến nay. Xét thấy: để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, chung thủy, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng phải chung tay cùng nhau xây dựng tổ ấm. Nhưng bà C và ông Ng đều không thực hiện được những điều này để cuộc sống gia đình được hạnh phúc, hôn nhân bền vững, mục đích hôn nhân đạt được. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: bà C xác định bà và ông Ng có một con chung là cháu Nguyễn Nhựt A, sinh năm 2004, đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Ông Ng không cung cấp ý kiến về vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà C không yêu cầu giải quyết. Ông Ng không cung cấp ý kiến về vấn đề này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: bà C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 266; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 19; 51; 53; 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mỹ C được ly hôn với ông Nguyễn Duy Ng.
2. Về con chung: bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Duy Ng có 01 (một) con chung là Nguyễn Nhựt A, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2004, đã trưởng thành và có khả năng lao động; nên không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001487 ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).
5. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p. M, tp X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang